

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

TÀI SẢN	Mã	TM	Mẫu số B 01 - HN	
			Số cuối kỳ	Đvt: VNĐ Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67,406,923,955	45,457,892,361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44,147,036,418	33,020,144,762
1. Tiền	111		6,648,474,209	7,797,753,868
2. Các khoản tương đương tiền	112		37,498,562,209	25,222,390,894
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21,056,474,853	10,705,560,545
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	12,379,365,652	10,895,171,191
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	4,774,661,256	50,110,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD			-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.4	5,725,919,418	1,257,550,024
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.5	(1,823,471,473)	(1,497,270,670)
IV. Hàng tồn kho	140		1,231,691,132	1,200,713,124
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1,231,691,132	1,200,713,124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		971,721,552	531,473,930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	586,638,929	439,979,307
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	385,082,623	91,494,623

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		392,183,099,935	405,007,607,937
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		391,985,075,303	405,007,607,937
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	386,345,758,578	404,856,262,434
- Nguyên giá	222		484,073,434,296	482,873,604,799
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(97,727,675,718)	(78,017,342,365)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	62,499,996	116,181,261
- Nguyên giá	228		311,989,714	311,989,714
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(249,489,718)	(195,808,453)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5,576,816,729	35,164,242
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
IV. Lợi thế thương mại	260		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	270		198,024,632	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.12	198,024,632	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	273		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		459,590,023,890	450,465,500,298

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THA**

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 01 - HN

(Ban hành theo QĐ 15 -BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	Mã	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		50,855,532,266	47,180,221,470
I. Nợ ngắn hạn	310		50,855,532,266	47,180,221,470
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.13	4,400,626,081	1,522,423,207
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	5,924,835,662	370,526,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1,321,453,086	313,724,683
5. Phải trả người lao động	315		1,148,419,296	2,172,761,076
6. Chi phí phải trả	316	V.16	181,052,026	1,384,118,831
7. Phải trả nội bộ	317	V.17	26,595,223,960	35,947,033,633
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6,727,882,334	3,526,125,526
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	4,556,039,821	1,943,508,514
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
3. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện			-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		408,734,491,624	403,285,278,828
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	408,734,491,624	403,285,278,828
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400,000,000,000	400,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,780,464,227	1,014,941,379
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		173,779,067	63,433,889
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5,780,248,330	2,206,903,560
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		459,590,023,890	450,465,500,298

// 1/2 20/03/11

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
1. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	6,446.59	493.94
Euro (EUR)		
Dollar Singapore (SGD)		
Yên Nhật (¥)		
Dollar Úc (AUD)		
Bàng Anh (£)		
Dollar Canada (CAD)		0
...		0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	0	0

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 10 năm 2013



Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
 Phụ trách kế toán



Lê Văn Nga
 Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 QUÝ III NĂM 2013**

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý III Năm 2013	Quý III năm 2012	Lũy Kế Năm 2013	Lũy Kế Năm 2012	Mẫu số B 02 - DN DVT: VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44,143,826,681	20,152,857,960	121,480,598,768	58,344,087,080	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	44,143,826,681	20,152,857,960	121,480,598,768	58,344,087,080	
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	36,910,836,832	16,019,556,249	108,110,588,681	46,446,342,041	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,232,989,849	4,133,301,711	13,370,010,087	11,897,745,039	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	602,677,903	1,291,576,948	1,636,906,905	2,995,450,203	
7.	Chi phí tài chính	22		507,650	959,296,396	507,650	1,418,711,267	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-	
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	3,125,909,980	2,787,360,211	9,722,522,781	8,349,192,839	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,709,250,122	1,678,222,052	5,283,886,561	5,125,291,136	
11.	Thu nhập khác	31	VI.5		14,135,000	1,210,318,000	65,674,480	

Báo cáo này phải được đọc đồng thời với thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 18 đến trang 19

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.)

12. Chi phí khác	32	354,489	2,276,918	1,560,954
13. Lợi nhuận khác	40	13,780,511	1,208,041,082	64,113,526
14 Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết		-	-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4,709,250,122	6,491,927,643	5,189,404,662
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	265,440,704	711,679,314	772,273,820
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		-	-	(361,670,466)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4,443,809,418	5,780,248,330	4,778,801,388
Phân phối cho: - Cổ đông của Tổng công ty				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số				
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	70			



Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
 Phụ trách kế toán




Lê Văn Nga
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIÁN TIẾP
QUÝ III Năm 2013

Mẫu số B 03 - DN/HN
 ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6,491,927,643	2,977,586,345
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	19,565,582,334	25,842,592,580
Các khoản dự phòng	03	326,200,803	268,428,300
Lãi, lỗ thanh lý tài sản cố định	04	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(1,636,399,255)	(3,572,820,434)
Chi phí lãi vay	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24,747,311,525	25,515,786,791
(Tăng) các khoản phải thu	09	(10,970,703,111)	37,851,666,098
(Tăng) hàng tồn kho	10	(30,978,008)	(159,698,076)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(123,321,539)	(59,813,180,945)
Tăng, giảm chi phí trích trước	12	(344,684,254)	(195,748,359)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(87,961,363)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,656,713,648	970,574,986
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15,846,376,898	4,169,400,495
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(6,355,884,497)	(5,857,243,694)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	24	-	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	26	1,636,399,255	3,572,820,434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4,719,485,242)	(2,284,423,260)

III LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	34		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11,126,891,656	1,884,977,235
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	33,020,144,762	31,135,167,527
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	44,147,036,418	33,020,144,762

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 10 năm 2013



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
Phụ trách Kế toán




Lê Văn Ngà
Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 3 Năm 2013**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Quản lý, điều hành, kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Kinh doanh các dịch vụ cảng;
- Vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hoá;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo dưỡng cơ khí;
- Cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, đại lý tàu biển;
- Cung cấp dịch vụ thứ tài, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn, cung cấp dịch vụ hạ thủy; nâng hạng nặng, dịch vụ càn.
- Kinh doanh nhiên liệu, xăng dầu, mỡ bôi trơn và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh phân đạm và hoá chất phục vụ nông nghiệp./.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

- Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ tư của Doanh nghiệp.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Doanh nghiệp áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Doanh nghiệp sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận : Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp tính giá trị : Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối mỗi tháng.

- Phương pháp hạch toán : Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

- Nguyên tắc ghi nhận : Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí khác trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao : Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định dựa trên thời gian thực tế có thể khai thác và theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 22/10/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :

- Nguyên tắc ghi nhận : Chi phí đi vay là lãi tiền vay và chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi đáp ứng đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 " Chi phí đi vay". Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ : Trong trường hợp phát sinh khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đi điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh do việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của khoản vay chưa trả trong kỳ. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán bao gồm các khoản chi phí về công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm tài sản,

- Chi phí khác : Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, ngoài trừ các khoản chi phí đã nêu trên.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại : Lợi thế thương mại được ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nếu có giá trị nhỏ hoặc được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính nếu có giá trị lớn. Thời gian sử dụng hữu ích phải thể hiện được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Công ty nhưng tối đa không quá 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên dự toán chi phí hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Cuối kỳ kế toán năm, các khoản chi phí phải trả phải được quyết toán với chi phí thực tế phát sinh.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận sau thuế được để lại tại đơn vị.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng : Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính : Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện, Chi phí tài chính được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.
- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.
- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác :

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính trong năm.

TK
HK
PC
QU
H
AN
/A

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	291,114,914	325,461,218
- Tiền gửi ngân hàng	6,357,359,295	7,472,292,650
- Các khoản tương đương tiền	37,498,562,209	25,222,390,894
Cộng	44,147,036,418	33,020,144,762

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu chưa đến hạn thanh toán	6,594,278,559	5,036,986,421
- Phải thu quá hạn từ 3 tháng đến 6 tháng	3,341,016,675	3,776,734,536
- Phải thu quá hạn từ 06 tháng đến 01 năm	373,775,040	603,830,096
- Phải thu quá hạn từ 01 năm đến 02 năm	592,675,240	160,299,513
- Phải thu quá hạn từ 02 năm đến 03 năm	208,729,323	271,162,467
- Phải thu quá hạn trên 3 năm	1,268,890,815	1,046,158,158
Cộng	12,379,365,652	10,895,171,191

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Tư vấn thiết kế Đông Dương		50,000,000
- Báo Đầu Thầu	110,000	
- Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại VINCOMAT	3,617,386,256	
- Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	7,380,000	
- Công ty TNHH Mai Linh	3,000,000	
- Công ty TNHH Phương Đông Hòa Bình	700,000,000	
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tươi	184,885,000	
- Hộ Kinh doanh Cá thể Hoàng Văn Tín	261,900,000	
- Trả trước khác	-	110,000
Cộng	4,774,661,256	110,000

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền thưởng Tết năm 2010	16,418,453	16,418,453
- Phải thu Ban giải phóng mặt bằng huyện Tĩnh Gia	20,000,000	
- Phải thu của NLD	63,737,845	62,659,280
- Phải thu của UBND Xã Nghi Sơn về khoản tài trợ xây trường mầm non	-	1,136,347,573
- Phải thu của UBND xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn về tiền tài trợ xây trường tiểu học	5,000,000,000	-
- Phải thu của Công ty Cảng dịch vụ dầu khí về tiền vật tư đi theo cầu 105 tấn	616,663,120	-
- Phải thu khác	9,100,000	42,124,718
Cộng	5,725,919,418	1,257,550,024

2013
 T.T
 IHC
 P.P
 KH
 CH
 HÀ
 TY
 T.T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(1,823,471,473)	(1,497,270,670)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến 1 năm	(112,132,512)	(181,149,029)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến 02 năm	(296,337,620)	(80,149,756)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến 03 năm	(146,110,526)	(189,813,727)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	(1,268,890,815)	(1,046,158,158)
Cộng	<u>(1,823,471,473)</u>	<u>(1,497,270,670)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	827,246,244	984,193,243
- Công cụ, dụng cụ	404,444,888	216,519,881
Cộng	<u>1,231,691,132</u>	<u>1,200,713,124</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Phí bảo hiểm các loại	29,606,991	1,054,985,226	797,704,671	286,887,546
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	35,076,598	208,085,239	152,612,281	90,549,556
Đồ dùng văn phòng chưa phân bổ	375,295,718	161,261,440	327,355,331	209,201,827
Cộng	<u>439,979,307</u>	<u>1,424,331,905</u>	<u>1,277,672,283</u>	<u>586,638,929</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng mua công cụ, đồ dùng	12,500,000	33,494,623
- Xăng xe phục vụ công tác	85,000,000	
- Phục vụ bếp ăn	143,475,000	
- Phục vụ công trình phúc lợi, An sinh xã hội	92,699,623	
- Tạm ứng đi công tác	52,408,000	58,000,000
Cộng	<u>386,082,623</u>	<u>91,494,623</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	435,128,055,802	38,895,615,865	5,304,961,385	1,304,542,885	2,240,428,862	482,873,604,799
Tăng trong kỳ	1,009,209,952	349,000,000	-	55,172,727	11,280,000	1,424,662,679
- Nhận từ PTSC						
- Mua sắm mới	-	349,000,000		55,172,727	11,280,000	415,452,727
- Đầu tư XD hoàn thành	1,009,209,952					1,009,209,952
- Điều chuyển nội bộ TCT	-					-
Giảm trong kỳ	-	63,454,545	-	150,098,637	11,280,000	224,833,182
- Điều chuyển tài sản nội bộ Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác		63,454,545		150,098,637	11,280,000	224,833,182
Số dư tại ngày 30/09/2013	436,137,265,754	39,181,161,320	5,304,961,385	1,209,616,975	2,240,428,862	484,073,434,296
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	406,861,919	261,943,203	90,556,916	-	759,362,038
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	67,114,523,114	8,290,192,937	1,379,867,470	623,709,974	609,048,870	78,017,342,365
Tăng trong kỳ	16,524,727,696	2,308,431,991	595,048,455	221,275,657	149,270,463	19,798,754,262
- Khấu hao trong kỳ	16,524,727,696	2,308,431,991	595,048,455	221,275,657	149,270,463	19,798,754,262
- Điều chuyển nội bộ TCT	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	21,151,515	-	66,329,394	940,000	88,420,909
- Điều chuyển tài sản nội bộ Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác		21,151,515		66,329,394	940,000	88,420,909
Số dư tại ngày 30/09/2013	83,639,250,810	10,577,473,413	1,974,915,925	778,656,237	757,379,333	97,727,675,718
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	368,013,532,688	30,605,422,928	3,925,093,915	680,832,911	1,631,379,992	404,856,262,434
Số cuối kỳ	352,498,014,944	28,603,687,907	3,330,045,460	430,960,738	1,483,049,529	386,345,758,578
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bảng phát minh sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá	-	-	-	-	-
Số đầu kỳ	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ PTSC	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2013	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-
Số đầu kỳ	-	-	-	195,808,453	195,808,453
Tăng trong kỳ	-	-	-	53,681,265	53,681,265
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	53,681,265	53,681,265
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế đến 30/09/2013	-	-	-	249,489,718	249,489,718
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số đầu kỳ	-	-	-	116,181,261	116,181,261
Số cuối kỳ	-	-	-	62,499,996	62,499,996

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	5,576,816,729	35,164,242
Trong đó :	5,576,816,729	35,164,242
+ Công trình XD nhà nghỉ cho thuê từ nhà sinh hoạt của KCN Tàu thủy Vinashin	1,832,770,916	
+ Công trình XD văn phòng cho thuê từ nhà VP PTSC Thanh Hóa	1,804,728,673	
+ CT đường nối đoạn cuối đường 513 đến khu vực bãi & nhà nghỉ cho thuê "	1,060,569,522	
+ CT móng trạm cân và công cảng	843,583,376	
+ Dự án nhà công vụ phục mở rộng Cảng Nghi Sơn	35,164,242	35,164,242
Cộng	5,576,816,729	35,164,242

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng Số cuối kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ năm
- TSCĐ không đủ tiêu chuẩn theo TT45/TT-BTC	-	136,412,273	18,417,489	117,994,784
- Chi phí thiết kế Website Công ty và phí SD tên miền	-	12,510,000	5,893,788	6,616,212
- Công cụ, thiết bị khác	-	73,413,636	-	73,413,636
Cộng	-	222,335,909	24,311,277	198,024,632

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Xăng Dầu DK Thanh Hóa	1,010,804,700	11,955,100
- Chi cục đăng kiểm số 12	-	24,300,000
- Công ty Cổ phần Khách Sạn Lam Kinh	2,520,000	
- Công ty TNHH TM XD & Giao nhận Vận Tải Sao Việt	142,046,960	710,234,800
- Công ty cổ phần dịch vụ biển Tân Cảng	322,999,600	
- Công ty CP Du lịch Phương Đông	21,309,000	57,313,000
- DN Tư nhân Long Thào	-	45,134,000
- Công ty TNHH TMXD Sao Việt	-	213,658,500
- Công ty CP Xây dựng DELTA	-	23,465,756
- Công ty CP Công Nghệ Xây Dựng & Thương Mại Sao Việt	14,091,000	
- Công ty CP Thương mại Kỹ thuật Châu Việt	190,678,697	-
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	1,575,397,335	
- Công ty TNHH Thương Mại & Du Lịch Hoàng Long	21,840,000	
- Công ty TNHH An Sơn	-	309,322,050
- Công ty CP phát triển kinh tế Đông nam Á	-	53,450,000
- Công ty TNHH Tiên Phương	134,530,000	
- Cty TNHH Nhất Hà	193,755,900	
- Công ty TNHH Truyền thông quảng cáo Sức Sống Mới		10,890,000
- Thanh tra Sở Lao động - Thương binh Xã hội Thanh Hóa	-	27,360,000
- Cty TNHH Phú Quý Hải Hà	245,442,961	14,010,000
- Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bình Minh	-	11,865,000
- Cty TNHH Xuân Thành Công	476,224,134	
- DN Tư nhân Thương mại Trường Hằng	48,796,794	
- Công ty TNHH Mai Linh	-	7,160,000
- Phải trả người bán khác	189,000	2,305,001
Cộng	4,400,626,081	1,522,423,207

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Khoáng sản XD phụ gia Xi măng Thanh Hóa	-	50,000,000
- Chi nhánh Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	124,252,904	
- Công ty CP thi công cơ giới và Dịch vụ	150,000,000	150,000,000
- Công ty Cổ Phần FECON Nghi Sơn	4,330,742,100	
- Công ty TNHH Minh Hằng	16,000,000	15,976,000
- Công ty TNHH Tân Sơn Hải Hà	105,000,000	
- Công ty cổ phần VTB & TM Bình Minh		154,550,000
- Công ty TNHH Hào Hưng Quảng Bình	412,474,312	
- Western Bulk Pte Ltd, DA-Desk	759,240,000	
- Công ty TNHH BARWIL Vận tải Quang Hưng	24,194,336	
- Khác hàng khác	2,932,010	
Cộng	5,924,835,662	370,526,000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
-Thuế thu nhập doanh nghiệp	101,447,240	711,679,314	87,961,363	725,165,191
-Thuế giá trị gia tăng	154,189,092	3,745,647,056	3,310,941,604	588,894,544
-Thuế thu nhập cá nhân	58,088,351	84,437,939	135,132,939	7,393,351
-Tiền thuế đất	-	-	-	-
-Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
Cộng	313,724,683	4,541,764,309	3,534,035,906	1,321,453,086

Thuế giá trị gia tăng

Doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng loại dịch vụ phù hợp theo qui định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

Thuế xuất, nhập khẩu

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập cá nhân

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

Thuế nhà thầu

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

Các loại thuế khác

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí sử dụng vốn phải trả Tổng Công ty	-	1,157,980,000
- Chi phí kiểm toán 6 tháng năm 2013	34,750,000	187,500,000
- Chi phí thuê cầu 105 tấn, xe nâng, xe bán tải tháng 7, 8 năm 2013	146,302,026	
- Bồi dưỡng độc hại tháng 12/2012	-	38,638,831
Cộng	<u>181,052,026</u>	<u>1,384,118,831</u>

17. Phải trả nội bộ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả Tổng công ty về tài sản	35,947,033,633	54,641,750,137
- Phải trả công nợ phát sinh trong kỳ	(9,351,809,673)	(18,694,716,504)
Cộng	<u>26,595,223,960</u>	<u>35,947,033,633</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	100,746,526	96,981,222
- Công đoàn Tổng công ty	45,794,319	
- BHXH phải nộp	317,486,410	
- Phải trả về ăn ca và các khoản khác tháng 09/2013 cho cán bộ CNV	218,920,324	184,987,500
- Đảng bộ Công ty CP Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Tổng Hợp PTSC Thanh Hóa (Đảng phí thu từ lương)	10,482,019	17,576,252
- UBND Xã Nga Hưng về xây dựng trường tiểu học do Tổng Công ty tài trợ		2,702,347,962
- Phải trả Tổng Công ty khoản tài trợ xây trường tiểu học xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn	5,000,000,000	
- Phải trả Công ty Cảng Dầu khí về khoản vật tư đi theo cầu 105 tấn	616,663,120	
- Các đơn vị trong Tổng công ty chuyển tiền cho PTSC Thanh Hóa mua quà tết cho người nghèo	-	460,000,000
- Doanh thu chưa thực hiện	283,312,333	
- Phải trả khác	134,477,283	64,232,590
Cộng	<u>6,727,882,334</u>	<u>3,526,125,526</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng do TCT cấp	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,943,508,514	331,035,534	4,564,000,000	2,282,504,227	4,556,039,821
Cộng	<u>1,943,508,514</u>	<u>331,035,534</u>	<u>4,564,000,000</u>	<u>2,282,504,227</u>	<u>4,556,039,821</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

20. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2012	400,000	-	-	-	-	400,000
Tăng trong năm	-	-	63	1,015	2,207	3,285
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2,207	2,207
Phân phối lợi nhuận	-	-	63	1,015	-	1,078
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	400,000	-	63	1,015	2,207	403,285
Số dư tại 01/01/2013	400,000	-	63	1,015	2,207	403,285
Tăng trong năm	-	-	110	1,766	5,780	7,656
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	5,780	5,780
Phân phối lợi nhuận	-	-	110	1,766	-	1,876
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	2,207	2,207
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	2,207	2,207
Số dư tại 30/09/2013	400,000	-	173	2,781	5,780	408,734

1101
31
1101
31
1101
31
1101
31

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	400,000,000,000	400,000,000,000
Trong đó :	400,000,000,000	400,000,000,000
+ Vốn góp của PTSC	218,773,000,000	218,773,000,000
+ Vốn góp của PVFC Capital	175,000,000,000	175,000,000,000
+ Vốn góp của đối tượng khác	6,227,000,000	6,227,000,000
Cộng	400,000,000,000	400,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400,000,000,000	400,000,000,000
Vốn góp tại ngày 01/01/2013	400,000,000,000	400,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 30/09/2013	400,000,000,000	400,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40,000,000	40,000,000
Cổ phiếu phổ thông	40,000,000	40,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000đ/cp	10.000đ/cp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	121,480,598,768	58,344,087,080
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	121,480,598,768	58,344,087,080
Trong đó:		
- Dịch vụ cảng	50,358,288,758	45,864,938,391
- Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	2,975,124,030	8,057,787,353
- Dịch vụ KD dăm gỗ	62,357,182,190	
- Dịch vụ khác	5,790,003,790	4,421,361,336
Các khoản giảm trừ doanh thu.	-	-
Doanh thu thuần	<u>121,480,598,768</u>	<u>58,344,087,080</u>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>		58,344,087,080
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	108,110,588,681	46,446,342,041
Trong đó:		
- Dịch vụ cảng	37,385,610,442	34,148,098,561
- Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	2,975,124,030	8,154,391,608
- Dịch vụ KD dăm gỗ	61,624,263,200	
- Dịch vụ khác	6,125,591,009	4,143,851,872
Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá HTK	-	-
Cộng	<u>108,110,588,681</u>	<u>46,446,342,041</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	1,634,790,497	2,995,274,679
- Lãi CLTG đã thực hiện	2,116,408	175,524
Cộng	<u>1,636,906,905</u>	<u>2,995,450,203</u>
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	3,948,978,966	3,776,950,867
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,397,227,615	1,121,151,891
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	724,196,933	544,847,442
- Chi phí dự phòng	326,200,803	290,353,473
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,183,005,299	597,458,410
- Chi phí khác	2,142,913,165	2,018,430,756
Cộng	<u>9,722,522,781</u>	<u>8,349,192,839</u>
5. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ bồi thường bảo hiểm		41,539,480
- Thu nhập khác	1,210,318,000	10,000,000
Cộng	<u>1,210,318,000</u>	<u>51,539,480</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	711,679,314	410,603,354
Tổng chi phí thuế TNDN	711,679,314	410,603,354

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,999,081,130	3,835,181,787
- Chi phí nhân công	15,952,597,200	15,085,743,739
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19,565,582,334	19,270,707,724
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,506,836,833	12,450,060,341
- Chi phí khác	2,266,977,302	4,153,841,289
Cộng	52,291,074,799	54,795,534,880

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số dư với các bên liên quan

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Phải trả	28,170,621,295	35,947,033,633
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	26,595,223,960	35,947,033,633
CN Tổng công ty Công ty căng dịch vụ Dầu Khí	1,575,397,335	-
Phải thu	1,644,626,129	-
Tổng công ty	747,762,400	-

2. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty chia làm ba bộ phận kinh doanh với các hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Cung cấp dịch vụ căn cứ Cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ Cảng và các dịch vụ có liên quan
Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Kinh doanh nhiên liệu phục vụ cho các loại phương tiện ra vào Cảng
Cung cấp các dịch vụ khác	Cung cấp dịch vụ về dầu khí khác

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

	Dịch vụ Căn cứ Cảng	Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Dịch vụ KD dăm gỗ	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản	453,615,353,579	-	-	5,974,670,311	-	459,590,023,890
Tài sản bộ phận	453,615,353,579	-	-	5,974,670,311	-	459,590,023,890
Lãi từ Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả	49,245,151,006	1,010,804,700	134,530,000	465,046,560	-	50,855,532,266
Nợ phải trả bộ phận	49,245,151,006	1,010,804,700	134,530,000	465,046,560	-	50,855,532,266
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	-	-	-	-

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

	Dịch vụ Căn cứ Cảng	Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Dịch vụ kinh doanh dăm gỗ	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu						
DT thuần từ bán hàng ra bên ngoài	50,358,288,758	2,975,124,030	62,357,182,190	5,790,003,790	-	121,480,598,768
DT thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	50,358,288,758	2,975,124,030	62,357,182,190	5,790,003,790	-	121,480,598,768
Lợi nhuận gộp bộ phận	12,972,678,316	-	732,918,990	(335,587,219)	-	13,370,010,087
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	9,225,291,634	-	497,231,147	-	-	9,722,522,781

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2013

Năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2013

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	1,636,399,255				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,747,386,682	-	235,687,843	(335,587,219)	1,636,399,255
Lợi nhuận từ hoạt động khác	1,208,041,082				3,647,487,306
Lợi nhuận trong các Công ty liên kết	-				1,208,041,082
Lợi nhuận trước thuế	6,591,827,019				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	711,679,314	-	235,687,843	(335,587,219)	-
Lợi nhuận trong năm	5,880,147,705	-	235,687,843	(335,587,219)	-
3. Thông tin so sánh					5,780,248,329

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	14.67	10.09
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	85.33	89.91
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	11.07	10.47
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	88.93	89.53
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.33	0.96
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.30	0.94
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5.34	8.78
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4.76	8.19
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1.41	1.15
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1.41	1.18



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
Phụ trách kế toán



Lê Văn Nga
Giám đốc